

Bản án số: 68/2020/HS-PT
Ngày 10/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Vũ Văn Mạnh.

Các Thẩm phán: **bà Nguyễn Thị Thu Hà**
ông Nguyễn Duy Sơn

- Thư ký phiên toà: ông Phạm Quang Đại - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
bà Nguyễn Thị Văn -Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2020/TLPT-HS ngày 22 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn N do có kháng cáo của bị cáo N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2020/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TD.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 15/3/1993 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: thôn 5, xã HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Nh; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/10/2019 đến nay (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo và là người có quyền lợi liên quan đến vụ án: ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969 (bố đẻ bị cáo); nơi cư trú: thôn 5, xã HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: bà Nguyễn Thị Bạch Y- Luật sư Văn phòng Luật sư số 1 Vĩnh Phúc (có mặt).

Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

Người bị hại:

1. Ông Phạm Đức Ch, sinh năm 1957 (đã chết); người đại diện của bị hại: anh Phạm Đức Tr1, sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện SL, tỉnh Vĩnh Phúc (văn bản ủy quyền ngày 18/01/2019, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn 7, xã HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 01/01/2019, Nguyễn Văn N (không có giấy phép lái xe mô tô), điều khiển xe mô tô BKS 88K1-140.02 của ông Nguyễn Văn D (bố của N) chở sau là Nguyễn Thành Tr đi ăn liên hoan hội đồng ngũ tại thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi ăn uống N, Tr cùng nhiều người bạn có sử dụng rượu bia. Sau khi ăn uống xong thì N, Tr cùng nhóm bạn đi hát karaoke ở gần quán ăn. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày thì N, Tr cùng nhóm bạn ra về. Theo Tr khai ban đầu đi từ quán Karaoke về Tr điều khiển, được khoảng 300m thì dừng xe gặp T và đổi lái cho N. Khoảng 15 giờ 50 phút cùng ngày, N điều khiển xe mô tô BKS88K1-140.02 (có nồng độ Col 0,342mg/lít khí thở), chở Tr đi chiều thành phố Vĩnh Yên đi huyện Lập Thạch, khi đi đến đoạn đường TL305 thuộc địa phận thôn C, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc thì điều khiển xe mô tô đi lấn phần đường và xảy ra va chạm giao thông với xe mô tô BKS20F8-0078 do ông Phạm Đức Ch điều khiển đi ngược chiều. Hậu quả: hai xe mô tô bị hư hỏng nặng, ông Phạm Đức Ch tử vong tại chỗ; Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Thành Tr bị thương tích phải đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc từ ngày 01/01/2019, đến ngày 09/01/2019 Nguyễn Thành Tr ra viện; và đến ngày 21/01/2019 Nguyễn Văn N ra viện.

Công an huyện TD đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện tai nạn, trưng cầu giám định nguyên nhân dẫn đến tử vong của ông Phạm Đức Ch, trưng cầu giám định Viện khoa học hình sự và tiến hành các hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại bản kết luận giám định số 1361 ngày 29/03/2019 của Viện khoa học hình sự kết luận: dấu vết trượt, mất cao su ở bên phải mặt lăn lốp bánh trước và biến dạng vành bánh trước xe mô tô BKS 88K1-140.02, có chiều từ mặt lăn vào vành, từ vành vào tâm trục bánh xe phù hợp với dấu vết trượt xước, dính chất màu đen (dạng cao su) ở mặt ngoài càng giảm sóc trước bên phải xe mô tô BKS 20F8-0078. Dấu vết va chạm ở xe mô tô BKS 20F8-0078 tại vị trí này có chiều từ trước về sau.

Dấu vết biến dạng kim loại, trượt xước, dính chất màu đen (dạng cao su) ở bàn đạp phanh chân bên phải xe mô tô BKS 88K1-140.02, có chiều từ trước về sau, phù hợp với dấu vết hằn lốp, biến dạng vành bánh trước xe mô tô biển số 20F8-0078. Dấu vết va chạm ở xe mô tô biển số 20F8-0078 tại vị trí này có chiều từ mặt lăn vào vành bánh xe.

Quá trình điều tra, N khai không nhớ ai là người điều khiển xe gây tai nạn. Ngày 19/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện TD tiến hành thực nghiệm điều tra cho người đóng thế để xác định N hay Tr là người điều khiển xe mô tô va chạm với xe mô tô đi ngược chiều. Lần 01: cho người đóng thế N ngồi trên xe mô tô chở người đóng thế Tr, xác định khi va chạm không thể va chạm đến người ngồi sau. Lần 02: cho người đóng thế Tr ngồi trên xe mô tô chở người đóng thế N ngồi sau, xác định khi va chạm, đo từ mặt lặn bánh trước gần nhất của xe mô tô ngược chiều đóng thế Tr chở N, để đến được đầu gối bên phải của người ngồi sau có khoảng cách là 53cm. Kết quả thực nghiệm cho thấy, người ngồi sau xe mô tô thì không bị gãy 1/3 giữa xương đùi phải. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định, Nguyễn Văn N là người điều khiển xe mô tô chở Tr gây tai nạn giao thông.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 02 ngày 03/01/2019, của Tr tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đối với nguyên nhân chết của ông Phạm Đức Ch; dấu hiệu Ch qua giám định: nhiều vết xây sát da, ít vết rách da cơ; chấn thương hàm mặt, dập gãy T bộ cung răng hàm dưới; chấn thương cổ nặng, gãy dờn các đốt sống cổ 3-4-5. Nguyên nhân chết: sốc tủy không hồi phục/gãy xương hàm dưới.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 74 ngày 01/4/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đối với thương tích của Nguyễn Văn N: Dấu hiệu chính qua giám định: gãy 1/3 giữa xương đùi phải, xếp 23%; tụ máu dưới màng cứng vùng đỉnh phải, xếp 22%; chảy máu khoang dưới nhện, xếp 17% ; sẹo mổ 1/3 trên mặt ngoài đùi phải xuống dưới, xếp 8%; sẹo vết thương phần mềm mặt trước gối phải, xếp 02%; vết thâm da khoe ngoài mắt trái không có trong danh mục xếp tỷ lệ phần trăm. Cơ chế hình thành: các thương tích trên có thể do vật tày gây nên. Tổn thương cơ thể do thương tích gây nên thời điểm hiện tại là 55%.

Tại bản kết luận số 47 ngày 17/6/2019 giám định pháp y về tâm thần kết luận, Nguyễn Văn N bị bệnh tâm thần: rối loạn cảm xúc không ổn định (suy nhược) thực tổn (theo phân loại quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần và hành vi- F06.6). Tại thời điểm xảy ra sự việc ngày 01/01/2019, Nguyễn Văn N không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức, đủ khả năng điều khiển hành vi; hiện tại Nguyễn Văn N bị bệnh tâm thần: rối loạn cảm xúc không ổn định (suy nhược) thực tổn, hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 146 ngày 21/5/2019 đối với Nguyễn Thành Tr kết luận: máu tụ ngoài màng cứng thùy trán phải + vỡ cánh lớn xương bướm bên phải + vỡ thành xoang hàm, xoang sàng, xoang trán, xoang bướm bên phải + vỡ xương mũi + vỡ xương trán phải + vỡ xương

thái dương phải + vỡ xương trần hốc mắt bên phải + gãy cung tiếp gò má bên phải + sẹo vết thương phần mềm màu nâu nhạt cách đầu trong cung lông mày phải về phía trên 01cm (sẹo không ảnh hưởng thẩm mỹ), xẹp 62% (theo nguyên tắc cộng lùi).

Với nội dung trên tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2020/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TD đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội: “vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam ngày 15/10/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/5/2020 bị cáo Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo; người đại diện hợp pháp của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và các tình tiết khác trong vụ án để giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TD, giảm mức hình phạt tù và cho bị cáo Nguyễn Văn N được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm Nguyễn Văn N khai không nhớ ngày 01/01/2019 ai là người điều khiển xe mô tô BKS 88K1-140.02 gây tai nạn và cũng không xác định Nguyễn Thành Tr là người điều khiển xe mô tô trên gây tai nạn làm ông Phạm Đức Ch tử vong. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm người bị hại anh Nguyễn Thành Tr khẳng định Nguyễn Văn N là người điều khiển xe mô tô gây tai nạn giao thông, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo N không có ý kiến gì mà chỉ trình bày không nhớ gì. Tuy nhiên căn cứ vào kết quả khám nghiệm hiện trường, phương tiện gây tai nạn, kết quả thực nghiệm điều tra, cơ chế hình thành thương tích của Nguyễn Văn

N, kết luận giám định pháp y, kết luận cơ chế dấu vết của Viện khoa học hình sự, lời khai của bị hại, đại diện gia đình bị hại, lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án; căn cứ lời bị cáo N khai tại phiên tòa phúc thẩm sau khi bị tai nạn bị cáo bị ảnh hưởng sức khỏe và thần kinh nên không nhớ, nay đã nhớ và thừa nhận chính N là người lái xe mô tô BKS 88K1-140.02 gây tai nạn làm ông Phạm Đức Ch tử vong và làm Nguyễn Thành Tr bị thương. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: khoảng 15 giờ 50 phút ngày 01/01/2019, tại đoạn đường TL305 thuộc địa phận thôn C, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn N không có giấy phép lái xe mô tô, có nồng độ Col 0,342mg/lít khí thở, điều khiển xe mô tô BKS 88K1-140.02 chở Nguyễn Thành Tr đi chiều thành phố Vĩnh Yên đi huyện Lập Thạch, do đi lấn phần đường, nên đã xảy ra va chạm giao thông với xe mô tô BKS20F8-0078 do ông Phạm Đức Ch điều khiển đi ngược chiều. Hậu quả: Hai xe mô tô bị hư hỏng nặng, ông Phạm Đức Ch tử vong tại chỗ, anh Nguyễn Thành Tr bị thương tích 62%.

[3] Bị cáo Nguyễn Văn N điều khiển xe ô tô không tuân thủ quy định của Luật giao thông đường bộ: không có giấy phép lái xe, có nồng độ Col vượt quá mức quy định, đi lấn phần đường của xe mô tô đi ngược chiều gây tai nạn giao thông, hậu quả làm ông Phạm Đức Ch tử vong tại chỗ và anh Nguyễn Thành Tr bị thương tích 62%. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nhân thân của bị cáo, tính chất mức độ thực hiện tội phạm và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N về tội “vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, đã có thời gian từng tham gia phục vụ trong quân đội; sau khi phạm tội bị cáo và đại diện gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ về trách nhiệm dân sự cho gia đình bị hại (ông Ch), đại diện gia đình bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị hại là anh Nguyễn Thành Tr đề nghị cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất, được cải tạo tại địa phương và không yêu cầu gì về thường dân sự; hơn nữa, hiện tại bị cáo N bị hạn chế năng lực hành vi dân sự theo kết luận của Giám định pháp y tâm thần; trong vụ án, bản thân bị cáo cũng là người bị thương tích nặng, tổn hại 55% sức khỏe. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm s khoản 1 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, bị cáo là người có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào, có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử thấy rằng chỉ cần xét xử bị cáo ở mức

đầu của khung hình phạt và cho bị cáo Nguyễn Văn N được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Do vậy cần chấp nhận đề nghị xin hưởng án treo của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo; sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TD.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa phúc thẩm; của bị cáo cũng như người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2020/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TD.

2. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm về tội “vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã HH, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc theo dõi, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự: trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn N ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4. Về án phí: áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện TD;
- Công an huyện TD;
- Chi cục THADSTD;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Mạnh

